

TẬP QUÁN TIÊU DÙNG TRONG LỄ HỘI CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH

Trường Đại học Khoa học Huế

LÊ VĂN CƯỜNG

Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế¹

1. Đặt vấn đề

Ở vùng miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế chủ yếu có 4 dân tộc thiểu số cư trú: Tàôi, Cotu, Bru - Vân Kiều và người Chứt. Dân số tính đến năm 2015² trong cộng đồng dân cư nơi đây, người Việt chiếm 93,38%, các dân tộc thiểu số chiếm 6,62%; trong đó, ở Thừa Thiên Huế, dân tộc Tàôi có 31.264 người, Cotu có 14.589 người, Bru - Vân Kiều có 850 người; ở Quảng Trị, dân tộc Tàôi có 10.187 người, Bru - Vân Kiều có 38.362 người; ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều có 16.177 người, dân tộc Chứt có 5.538 người³.

Các dân tộc thiểu số nơi đây do sống trong môi trường rừng núi với nền kinh tế chủ yếu nương rẫy nên trong lĩnh vực tinh thần, hoạt động lễ hội diễn ra trong năm hoặc theo chu kỳ vài ba năm khá phổ biến, như lễ cúng cơm mới/ lễ tết, lễ cúng rừng, lễ cúng thần làng, lễ đâm trâu, lễ cúng cầu mùa, lễ kết nghĩa anh em,...

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền, luôn gắn liền các cộng đồng dân cư nhất định nó nhằm hướng tới sự hòa hợp giữa người với người, giữa con người với tự nhiên và giữa con người với thế giới tâm linh. Lễ hội là sự phản ánh những ước vọng cũng như sự cung thỉnh của con người đến các đấng thần

linh về một cuộc sống no đủ, an lành.

Lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nói chung thường được tổ chức vào khoảng thời gian nông nhàn, sau mùa rẫy, nhằm đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần, cũng như tạo ra những hình thức vui chơi, nghỉ ngơi thư giãn. Vì vậy, lễ hội có nhiều ưu điểm cần được giữ gìn và phát huy; nhưng để phục vụ cho hoạt động tâm linh này, đồng bào phải chuẩn bị khá tốn kém nhiều lễ vật, ảnh hưởng đến việc cân đối chi tiêu trong gia đình và là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đói nghèo vẫn còn khá phổ biến trong cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi đây. Bài viết này, vì vậy, đề cập đến tập quán tiêu dùng khá tốn kém tiền bạc của đồng bào trong việc tổ chức lễ hội.

2. Lễ cúng cơm mới

Trong các lễ hội của đồng bào, lễ hội cúng cơm mới được xem như một ngày tết, diễn ra vào tháng giêng, lúc men rượu cần còn đượm mùi thơm trong mỗi gia đình. Nhưng lễ cúng cơm mới của đồng bào không tổ chức theo một thời gian nhất định mà tùy thuộc vào mùa rẫy kết thúc sớm hay muộn, những công việc chuẩn bị cho ngày hội diễn ra nhanh hay chậm. Đây là lễ nghi cuối cùng trong hệ thống các

¹Đây là kết quả nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, được ngân sách nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư.

²Số liệu của Ban Dân tộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

³Ở Quảng Bình, dân tộc Bru - Vân Kiều bao gồm cả người Vân Kiều, Khùa, Tri, Ma Coong; dân tộc Chứt bao gồm người Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng.

nghi lễ liên quan đến nông nghiệp, khép lại một chu kỳ sản xuất, bắt đầu mùa lễ hội của năm mới.

Lễ cúng cơm mới được tiến hành hai bước: Đầu tiên sau khi thu hoạch lúa trên các nương rẫy về nhà, từng gia đình thường tổ chức lễ “rước hồn lúa”. Lễ này chỉ có những người trong gia đình tham gia, không mời khách. Người vợ sẽ chọn những bông lúa mấy hạt buộc lên cột nhà chính (cột cái) để cúng Yang; lễ vật chỉ có ít rượu, thịt, cá suối, bát cơm lúa mới. Sau khi cầu khẩn thần linh phù hộ cho mùa màng được tốt tươi, bà mẹ ăn tượng trưng một miếng cơm, miếng cá, uống một hớp rượu. Tiếp đến, mọi người trong nhà cùng tham gia ăn uống, chỉ trừ con gái chưa chồng và con dâu sẽ được ăn riêng sau đó, vì tránh sợ thần lúa nổi giận.

Sau đó, lễ cúng sẽ được tổ chức ở nhà chung của làng trong 1-2 ngày đêm (nhà moong ở người Tàôi và nhà chủ làng ở người Bru - Vân Kiều, người Chứt, còn người Cotu tổ chức tại nhà Gươl). Mỗi gia đình phải đóng góp lễ vật cho làng, bao gồm rượu (một chai rượu trắng, hoặc một ché rượu), một con cá nướng, một đĩa bánh lá và một chén cơm lúa mới. Trên mỗi lễ vật đều cắm lá cây biểu thị sự tươi tốt, được mùa. Sau khi chuẩn bị xong lễ vật, chủ làng/chủ lễ đứng ra khẩn và mời thần linh về ăn lúa mới. Nội dung của lời khẩn như sau: *“O Yang phía Đông, Yang phía Tây, Yang mây, Yang sét, Yang núi,... nay lúa đã suốt về, hồn lúa đã về kho, heo (lợn) đã mổ, rượu đã đầy ché, xin mời các Yang hãy cầm cần rượu, ăn miếng thịt lợn, ăn bát cơm lúa mới. Mong Yang cho mùa sau lúa sai bông, mấy hạt, đến kỳ thu hoạch đầy gùi, nhập kho, người cấy lúa không hết,... O Yang”*.

Nhìn chung, chi phí cho lễ cúng cơm mới không mấy tốn kém, mỗi gia đình chi phí cho lễ vật, rượu, thịt cá khoảng 100.000 đồng,

nhưng cả làng phải từ 5 đến 10 triệu đồng.

3. Lễ cúng rừng

Lễ cúng rừng không tổ chức định kỳ hằng năm, thường vài ba năm, khi dân làng gặp dịch bệnh, nhiều trường hợp chết xấu, mùa màng thất bát, chủ làng mới quyết định tổ chức. Lễ vật do dân làng đóng góp, thường là lợn, gà, có khi đâm trâu. Lễ cúng được tiến hành trên một khu đất ở giữa làng⁴ và chủ làng là chủ tế thay mặt dân làng khẩn cầu thần linh phù hộ không dịch bệnh, ốm đau, mùa màng bội thu. Sau lễ cúng, mọi người cùng nhau ăn uống, ca múa, đánh cồng chiêng cho đến sáng. Hôm sau, một số đàn ông cùng chủ làng lên rừng tìm một tảng đá to mang về làng, chôn cạnh một gốc cây, như là vật chứng cho lòng thành của dân làng. Chi phí cho lễ cúng rừng nếu cúng lợn gà tiêu tốn khoảng 5 đến 10 triệu đồng, nhưng nếu cúng trâu lên đến 30 triệu đồng.

4. Lễ cúng thần làng

Một trong những nghi lễ gắn chặt với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở đồng bào là lễ cúng thần làng. Hàng năm đến dịp phát rẫy, đồng bào tổ chức lễ cúng thần làng dưới sự chủ trì của chủ làng. Theo quy định của luật tục, trong lễ cúng thần làng mỗi nhà phải đóng góp một con gà, ít gạo nếp, rượu... Cúng xong cả làng cùng ăn uống tại chỗ và ngủ qua đêm. Cũng vào dịp này, chủ làng nhắc nhở về những kiêng cử, những khu vực được phép, hay cấm làm rẫy cho mọi người trong Vil biết trước khi bước vào mùa rẫy mới. Chi phí cho lễ cúng thần làng, mỗi gia đình tiêu tốn khoảng 200.000 đồng, nếu tính cả làng, chi phí phải trên 10 triệu đồng.

5. Lễ đâm trâu

Lễ đâm trâu (lễ ăn trâu) là nét sinh hoạt văn hóa lâu đời còn bảo lưu trong đời sống các tộc người ở Trường Sơn - Tây Nguyên. Lễ có nguồn gốc từ tục hiến sinh cầu mùa, phổ biến trong cư dân nông nghiệp. Lễ đâm trâu không

Ở người Bru - Vân Kiều lễ cúng rừng thường được tổ chức ở khu rừng thiêng và chỉ có nam giới dự lễ.

chỉ mang ý nghĩa cầu mùa mà ngày càng được mở rộng trong sinh hoạt tín ngưỡng như dịp lễ khánh thành nhà làng, lễ kết nghĩa trong quy mô liên làng...

Đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây coi con trâu là con vật linh thiêng của thần linh, việc hiến tế trâu là cách làm vui lòng thần. Trâu là con vật đại diện cho người, việc ăn thịt trâu sau lễ hiến tế là cách thể hiện sự cộng cảm giữa con người và thần linh. Hình ảnh đầu trâu thường xuất hiện trên cột nhà cộng đồng (nhà Gươl) với niềm tin, hồn trâu sẽ làm đất đai màu mỡ, cuộc sống an lành no ấm.

Trước ngày hội, nhà làng được trang trí, sửa sang lại; chiêm trồng, thanh la, công cụ lao động, vũ khí, chiến lợi phẩm được đưa ra trưng bày; trai gái quét dọn bản làng, tổ chức săn bắn, đánh cá, chuẩn bị thực phẩm cho ngày hội; một số thanh niên được cử vào rừng chọn cây làm cột đâm trâu, tuyển chọn trâu... Trước nhà làng, chủ làng cho dựng cột đâm trâu; đó là thân cây bông gòn già, được chạm khắc nhiều hoa văn.

Để mở đầu cho sự kiện này già làng phải ngóng trời, xem đất, nhìn lá cây rừng, nghe tiếng chim hót theo kinh nghiệm của cha ông truyền lại, rồi họp hội đồng già làng để quyết định ngày giờ, không gian, quy mô tổ chức. Đặc biệt, phải cử người có uy tín đi mời khách các làng bên tham dự lễ hội.

Trước khi diễn ra lễ hội, vào thời điểm thích hợp, già làng tổ chức săn bắn, đánh bắt tập thể, lực lượng được huy động lớn, vũ khí thường dùng là dao, mác, lao để bắt hươu, nai, lợn rừng...

Lương thực đáp ứng cho lễ hội thường rất lớn, nếu điều kiện năng suất mùa rẫy không ổn định thì các gia đình phải chuẩn bị trước rất lâu. Ngoài gạo nếp, gạo tẻ được các gia đình đóng góp để làm cơm lam, ủ rượu, làm bánh, đàn ông của làng còn cùng nhau vào rừng săn thú, phụ nữ xuống sông suối bắt cá - những loại lễ vật chính để đãi khách và đặc biệt là để dâng

lên Yang.

Thức uống có mặt phổ biến trong phần lớn sinh hoạt lễ hội của người Cotu là rượu, được chế biến từ nhiều nguyên liệu khác nhau như cây tavaak (đoác), sắn, gạo, ngô, mía; men rượu được làm từ vỏ cây, rễ, củ cây trong rừng.

Trâu dùng để hiến tế thường được lựa chọn rất kỹ từ đàn trâu được nuôi của dân làng hoặc mua từ đồng bằng, từ các tộc người khác. Trước ngày mở hội, già làng cử những người đàn ông và thanh niên mạnh khỏe, nhanh nhẹn vào rừng chọn trâu lựa về, nếu trong các làng không có trâu sẽ chọn trâu từ nơi khác để mua. Trâu được chọn phải là trâu đực, to khỏe, không quá già, không có biểu hiện đau ốm, bệnh tật, lưng bóng, mắt óc, chân to, móng khéo, đuôi dài; đặc biệt cặp sừng không bị vẹo, có độ dài và nhọn, cân đối theo hướng lưỡi liềm... Đối với trâu nuôi, thời gian trước đó một tháng phải được chăn thả riêng ở nơi sạch sẽ cao ráo, tránh vũng nước bẩn, tránh gần trâu cái.

Sau khi tìm được trâu tể “ưng mắt” vào đêm trước khi bắt đầu lễ hội, già làng dắt trâu vào sân làng và tiến hành lễ cúng trình báo với thần linh trước khi cho trâu vào cột đâm trâu. Trong lễ này, già làng hỏi Yang đã đồng ý con trâu này chưa, nếu quẻ được gieo cho phép, dân làng sẽ buộc trâu vào cột đâm trâu.

Cột đâm trâu không đơn thuần chỉ là nơi buộc trâu để tiến hành hiến tế mà còn mang ý nghĩa của “vật kết nối” giữa con người với thần linh nên nó được chuẩn bị và trang trí kỹ lưỡng với mục đích để sự hiến tế đạt hiệu quả.

Khi mọi công việc chuẩn bị đã hoàn tất, tối hôm trước, một bàn lễ được bày lên giữa sân làng, trước nhà gươl. Lễ vật cúng tế bao gồm một con gà trống mới lớn, 1 con gà luộc, 1 đầu heo, 1 con sóc nướng ống, rượu, bánh... Già làng và các bậc cao niên tập trung khẩn cúng Yang. Sáng ngày hôm sau, chủ làng và già làng cùng thầy cúng tiến hành lễ cúng đầu tiên ở một chiếc nhà tranh dựng tạm bên Gươl. Mâm

cúng và các lễ nghi cúng giống tới hôm trước.

Tiếp theo, chủ lễ dùng một con gà sống và cắt đuôi trâu mang cúng thần linh báo hiệu trâu đã hiến cho Yang rồi, “*tốt đẹp rồi, yên cái bụng rồi*”. Sau đó con gà và đuôi trâu được chủ tế tung lên trời. Hành động ném đuôi trâu như một hình thức xin keo thể hiện sự chấp nhận và hài lòng của Yang về cuộc hiến tế, chỉ khi đó lễ nghi đâm trâu mới thực sự bắt đầu.

Trong tiếng trống, tiếng chiêng, những chàng trai tay giáo tay chiêng, nhảy múa quanh con trâu trong tiếng hò reo của dân làng. Phút cao trào của không khí lễ hội là lúc mũi giáo cắm vào cổ họng con trâu, máu của trâu sẽ được già làng bôi cho các thành viên trong bản để xua đuổi tà ma và mang lại sự may mắn. Sau đó, mọi người quây quần bên chén rượu cần, bên những mâm thịt, rồi cùng nhau nhảy múa quanh đống lửa, trong tiếng chiêng, tiếng trống rộn ràng báo hiệu những điều tốt đẹp sẽ đến với bản làng.

Do tính chất và quy mô của lễ hội đâm trâu nên các chi phí cho lễ hội này rất tốn kém. Ngoài gạo nếp, gạo tẻ các gia đình đóng góp để làm cơm lam, ủ rượu, làm bánh, đàn ông của làng còn cùng nhau vào rừng săn thú, phụ nữ xuống sông suối bắt cá,... Và lễ vật quan trọng nhất là con trâu mà chi phí ước khoảng 25 - 30 triệu đồng. Tính tổng cộng, chi phí cho lễ hội đâm trâu tiêu tốn khoảng 50 triệu đồng.

6. Lễ cầu mùa

Ở đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây lễ cầu mùa không diễn ra định kỳ, mà thường vài ba năm mới tổ chức một lần. Lễ được tổ chức với những nhu cầu như mong ước được mùa, được thần linh phù hộ cho dân làng sống yên vui, không ốm đau bệnh tật, hoặc để giải quyết bất hòa giữa hai dòng họ... Khi có dự định tổ chức lễ cầu mùa, già làng tiến hành họp bàn

với dân làng để thống nhất ý kiến, làm lễ xin thần linh, đồng thời phân công cho các thành viên trong làng săn bắt, tìm kiếm, dự trữ lương thực, thực phẩm và các công việc cần thiết cho lễ hội.

Lễ cầu mùa được tổ chức tại sân nhà Gươl với sự tham gia của mọi thành viên trong làng. Lễ vật do các gia đình đóng góp, gồm tiền để mua lợn, dê (có năm còn mua cả trâu) và gạo nếp, gạo tẻ (để nấu cơm nếp, làm bánh, ủ rượu), cá nướng, thịt rừng nướng... Giá trị kinh tế mỗi gia đình phải đóng góp cho lễ cầu mùa khoảng 300.000 đồng, tổng chi phí cho lễ hội của cả làng lên đến 25 triệu đồng, nếu cúng trâu, giá trị lễ hội lên đến 50 triệu đồng.

7. Lễ kết nghĩa anh em

Lễ kết nghĩa anh em thường được tổ chức để thắt chặt quan hệ giữa người dân trong hai, ba làng. Lễ được tổ chức không định kỳ giữa các làng sống gần nhau, có chung ranh giới. Khi nhu cầu kết nghĩa anh em giữa các cá nhân của các làng đã đến⁵ và nhu cầu kết thân đã chín muồi⁶, già làng của các làng sẽ tiến hành họp hội nghị toàn làng để đi đến quyết định tổ chức lễ kết nghĩa anh em.

Thời gian tổ chức trong 2 - 3 ngày đêm, cũng có khi kéo dài đến 5 - 7 ngày đêm, nếu năm đó điều kiện vật chất dồi dào. Ví dụ: nếu làng A đứng ra làm lễ mời làng B, C sau đó làng B sẽ tổ chức mời lại làng A, C, làng C mời lại làng A, B. Khi được làng B, C nhận lời, làng A sẽ chuẩn bị lễ vật trong nhiều ngày. Vì vậy lễ kết nghĩa anh em thường được tổ chức nhiều lần qua lại: nếu giữa hai làng sẽ có 2 lần, nếu giữa ba làng sẽ có 3 lần; đó đều là những lần lấy máu gà hòa vào rượu mà già làng hai hoặc ba làng cùng uống để kết tình anh em. Sau đó các thành viên của hai, ba làng cùng tập trung lại nhà làng, để già làng hai, ba làng cúng tế và

⁵ Khởi đầu với quy mô nhỏ là tục kết nghĩa Calơ giữa những cá nhân 2 làng với nhau. Khi đã Calơ đồng bào coi nhau như anh em, “*âm no cùng hưởng, đói khổ cùng chia*”.

⁶ Cũng có khi lễ tổ chức để hòa giải giữa hai làng.

Tổng hợp tập quán tiêu dùng trong lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế

STT	Lễ hội	Lễ vật	Giá trị kinh tế
1	Lễ cúng cơm mới	Lễ cúng cơm mới được tiến hành hai bước: Đầu tiên sau khi thu hoạch lúa trên các nương rẫy về nhà, từng gia đình thường tổ chức lễ “rước hồn lúa”; lễ vật chỉ có ít rượu, thịt, cá suối, bát cơm lúa mới. Sau đó, lễ cúng sẽ được tổ chức ở nhà chung của làng trong 1-2 ngày đêm; mỗi nhà phải đóng góp lễ vật, gồm rượu, thịt, cá nướng, bánh và cơm lúa mới. Chi phí cho lễ cúng cơm khoảng 100.000 đồng/ nhà, nhưng cả làng chi phí 5 đến 10 triệu đồng.	100.000.đ/1 gia đình; 5 - 10 triệu đồng cho cả làng.
2	Lễ cúng rừng	Lễ vật do dân làng đóng góp, thường là lợn, gà, có khi đâm trâu. Chi phí cho lễ cúng rừng, nếu lợn gà khoảng 10 triệu đồng, nhưng nếu cúng trâu lên đến 30 triệu đồng.	300.000 đ/nhà; cả làng 10 - 30 triệu đồng.
3	Lễ cúng thần làng	Lễ vật do mỗi nhà phải đóng góp một con gà, ít gạo nếp, rượu... Chi phí mỗi nhà khoảng 200.000 đồng; nhưng cả làng chi phí lên đến trên 10 triệu đồng.	200.000 đ/nhà; cả làng: 10 triệu đồng.
4	Lễ hội đâm trâu	Lễ vật, ngoài con trâu còn có lợn, gà, gạo nếp, gạo tẻ để làm cơm lam, ủ rượu, làm bánh, còn có thịt thú rừng, cá suối, rượu đoác, rượu sắn, gạo, ngô. Chi phí trâu lên đến 25 - 30 triệu đồng, nếu tính tất cả lễ vật chi phí cho lễ hội đâm trâu lên đến 50 triệu đồng.	50 triệu đồng.
5	Lễ hội cầu mùa	Lễ vật do các gia đình đóng góp, gồm tiền để mua lợn, dê (có năm còn mua cả trâu) và gạo nếp, gạo tẻ để nấu cơm nếp, làm bánh, ủ rượu, cá nướng, thịt rừng nướng.... Giá trị kinh tế mỗi gia đình phải đóng góp cho lễ cầu mùa khoảng 300.000	300.000 đ/nhà; cả làng: 25 triệu đồng.

		đồng, nhưng chi phí cho lễ hội phải lên đến 25 triệu đồng, nhưng nếu cúng trâu, giá trị lễ hội lên đến 50 triệu đồng.	
6	Lễ kết nghĩa anh em	Lễ vật, gồm trâu, dê, com nếp, bánh, rượu, được chia thành 7 mâm, có thêm đầu trâu, chân trâu, đầu dê để sống và các món ăn truyền thống của đồng bào yêu thích như lòng trâu, lợn, lạp, chuột nướng ồng, cá nướng ồng, ... Lễ kết nghĩa anh em vì vậy khá tốn kém, không kể lễ vật đóng góp của các gia đình, trâu và dê phục vụ lễ hội lên đến 40 - 50 triệu đồng.	40 - 50 triệu đồng.

cùng nhau ăn uống vui vẻ. Sau khi đã kết nghĩa anh em, người dân hai, ba làng sẽ coi nhau như anh em, sướng vui cùng hưởng, hoạn nạn cùng chia. Tiếp đến dân làng mổ trâu, dê, cùng com nếp, bánh, rượu làm lễ vật dâng cho thần linh. Lễ vật được chia thành 7 mâm, có thêm đầu trâu, chân trâu, đầu dê để sống và các món ăn truyền thống mà đồng bào yêu thích như lòng trâu, lợn, lạp, chuột nướng ồng, cá nướng ồng... Già làng là người chủ lễ cúng tế, cầu xin thần linh chứng kiến lễ vật kết nghĩa anh em và xin keo thể hiện sự đồng thuận của thần linh và dân làng.

Sau khi lễ nghi cúng tế hoàn tất, các lễ vật được nấu chín và mọi thành viên của các làng kết nghĩa anh em đều tham dự ăn uống, nhảy múa, ca hát suốt ngày đêm. Lễ kết nghĩa anh em vì vậy khá tốn kém, không kể lễ vật đóng góp của các gia đình, trâu và dê phục vụ lễ hội

lên đến 40-50 triệu đồng.

Tóm lại, lễ hội là phần lắng của cuộc sống tinh thần, chính vì vậy, ngay cả khi điều kiện xã hội thay đổi, nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa hiện đại đang ngày càng phát triển thì sinh hoạt lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây vẫn tiếp tục tồn tại. Theo đó, trong quá trình tổ chức lễ hội, tập quán dâng lễ vật khá tốn kém, chi phí không ít vật phẩm, tiền bạc của nhân dân.

Vốn đời sống còn khó khăn, kinh tế còn hạn chế, những chỉ tiêu trong lễ hội như đã nêu ở trên càng gây nên những khó khăn về vật chất cho đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây. Vì vậy, thiết nghĩ cần phải có những giải pháp đồng bộ để vừa giữ gìn, phát huy, vừa tuyên truyền động viên và quy ước để giảm bớt lễ vật phục vụ lễ hội của đồng bào các DTTS ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Hồng (1998), *Hôn nhân - gia đình - ma chay của người Tàôi, Cotu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Trị.
2. Nguyễn Văn Mạnh (2001), *Luật tục của người Tàôi, Cotu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2004) Bản sắc văn hóa của người Tàôi, Cotu, Bru- Vân Kiều, trong quá trình hội nhập hiện nay, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
4. Nguyễn Hữu Thông (2004), *Katu kẻ sống đầu ngọn nước*, Nxb Thuận Hóa, Huế.